

## Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

<b>E-ĐKC 1.1</b>	Chủ đầu tư: Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh Bình Dương. Địa chỉ: Tầng 12B, tháp B, Tòa nhà Trung tâm hành chính, đường Lê Lợi, phường Bình Dương, thành phố Hồ Chí Minh.
<b>E-ĐKC 1.3</b>	Nhà thầu: _____ <i>[ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu]</i>
<b>E-ĐKC 1.10</b>	Địa điểm dự án: Thành phố Hồ Chí Minh.
<b>E-ĐKC 1.11</b>	Ngày hợp đồng có hiệu lực: _____ <i>[Tuỳ theo tính chất của gói thầu mà quy định cụ thể, ví dụ: Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký hợp đồng...]</i>
<b>E-ĐKC 2.2 (i)</b>	Các tài liệu khác: Các tài liệu cấu thành Hợp đồng được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau đây: <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Văn bản hợp đồng;</li> <li>2. Phụ lục hợp đồng gồm điều khoản tham chiếu, nhân sự của nhà thầu, trách nhiệm báo cáo của nhà thầu;</li> <li>3. E-ĐKCT của hợp đồng đã được điền đầy đủ các nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, thương thảo hợp đồng (nếu có), hoàn thiện hợp đồng (nếu có);</li> <li>4. Biên bản thương thảo hợp đồng, biên bản hoàn thiện hợp đồng (nếu có);</li> <li>5. E-ĐKC của hợp đồng;</li> <li>6. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;</li> <li>7. Thư chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng;</li> <li>8. E-HSĐT và các văn bản làm rõ E-HSĐT của Nhà thầu (nếu có);</li> <li>9. E-HSMT và các tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT (nếu có);</li> <li>10. Các tài liệu khác quy định tại E-ĐKCT.</li> </ol>
<b>E-ĐKC 4.1</b>	Việc sử dụng tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng: Chi tiết theo hoàn thiện và ký kết hợp đồng.
<b>E-ĐKC 5.1</b>	Các trường hợp khác: Không áp dụng.

<b>E-ĐKC 7</b>	Loại hợp đồng: Trọn gói.
<b>E-ĐKC 8</b>	<p>Giá hợp đồng bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp.</p> <p>Giá hợp đồng là không đổi đối với phạm vi công việc nêu trong hợp đồng và điều khoản tham chiếu.</p> <p>Giá trị hợp đồng nêu tại Mục 1 là tạm tính, giá trị hợp đồng cuối cùng là giá trị quyết toán do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.</p>
<b>E-ĐKC 10</b>	<p>10.1. Tạm ứng: Giá trị tạm ứng tối đa 1.633.774.349 VND (tương đương 30% giá trị hợp đồng theo quy định). <b>Lưu ý:</b> <i>Tùy theo kế hoạch vốn được cấp thẩm quyền bố trí cho dự án. Các bên sẽ thống nhất nội dung trên trong quá trình thương thảo và ký kết hợp đồng.</i></p> <p>10.2. Thanh toán</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phương thức thanh toán: Chuyển khoản;</li> <li>- Đồng tiền thanh toán: VND;</li> <li>- Số lần thanh toán:</li> </ul> <p>+ Thanh toán tạm ứng: Thanh toán 01 lần. Thu hồi tiền tạm ứng được thu hồi dần qua các lần thanh toán, mức thu hồi tương ứng với tỷ lệ hoàn thành theo từng đợt thanh toán nhưng phải bảo đảm tiền tạm ứng được thu hồi hết khi giá trị thanh toán đạt 80% giá hợp đồng đã ký kết;</p> <p>+ Thanh toán khối lượng: Thanh toán 02 lần.</p> <p>+ Thời hạn thanh toán:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Tạm ứng: Ngay khi hợp đồng có hiệu lực;</li> </ul> <p>Khối lượng hoàn thành: Kể từ khi nhà thầu xuất trình đầy đủ các chứng từ theo yêu cầu. Đồng thời Nhà thầu phải cung cấp biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành; Bảng xác định giá trị cho những công việc phát sinh theo văn bản sửa đổi hợp đồng (nếu có) có xác nhận của đại diện chủ đầu tư, đại diện tư vấn giám sát (nếu có) và đại diện nhà thầu; đề nghị thanh toán....</p>
<b>E-ĐKC 11</b>	Bảo hành sản phẩm của dịch vụ: Không áp dụng.
<b>E-ĐKC 12</b>	Thời gian thực hiện hợp đồng: 150 ngày.
<b>E-ĐKC 13.1</b>	Thời gian bên nhận yêu cầu trả lời yêu cầu sửa đổi hợp đồng của Chủ đầu tư hoặc nhà thầu: 10 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu điều chỉnh hợp đồng, căn cứ yêu cầu cụ thể của nội dung điều chỉnh.
<b>E-ĐKC 13.2 (e)</b>	Các trường hợp khác: Không có.
<b>E-ĐKC 14.2</b>	Thời gian nhà thầu thực hiện việc thay thế nhân sự: 03 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu thay thế nhân sự của chủ đầu

	<p>tu.</p> <p>Trong trường hợp có thay đổi nhân sự thì Nhà thầu đề xuất nhân sự có năng lực kinh nghiệm tương đương hoặc cao hơn nhân sự đã đề xuất và phải được Chủ đầu tư chấp thuận bằng văn bản.</p>
<b>E-ĐKC 16.1</b>	Danh sách nhà thầu phụ: <i>[Ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT].</i>
<b>E-ĐKC 16.2</b>	Tổng giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 10% giá hợp đồng.
<b>E-ĐKC 16.4</b>	Yêu cầu khác về nhà thầu phụ: Không
<b>E-ĐKC 17</b>	<p>1. Phạt vi phạm hợp đồng : Áp dụng.</p> <p>a) Nhà thầu bị phạt theo mức: 5.445.914 VND (0,1% giá trị hợp đồng) cho mỗi ngày chậm hoàn thành công việc theo hợp đồng.</p> <p>Tổng số tiền phạt không vượt quá: 653.509.739 VND (12% giá trị hợp đồng). Chủ đầu tư có thể khấu trừ khoản tiền phạt từ các khoản thanh toán đến hạn của Nhà thầu.</p> <p>2. Vi phạm về chất lượng:</p> <p>Nhà thầu giao nộp hồ sơ và các tài liệu có liên quan không đạt yêu cầu, phải điều chỉnh lại nhiều lần thì nhà thầu phải chịu phạt tối đa đến 12% giá trị hợp đồng phân bị vi phạm. Đồng thời nhà thầu vẫn phải chịu phạt về chậm tiến độ như khoản 1 Điều này (nếu có). Tuy nhiên, tổng mức phạt của phần không quá 12% giá trị hợp đồng.</p> <p>Nhà thầu vi phạm do không hoàn thành đủ số lượng sản phẩm hoặc chất lượng sản phẩm không đạt yêu cầu theo qui định trong hợp đồng thì nhà thầu phải làm lại cho đủ số lượng.</p> <p>3. Phạt vi phạm thời gian làm hồ sơ quyết toán</p> <p>Nhà thầu chậm hoàn thiện hồ sơ quyết toán so với thời gian qui định của hợp đồng này (30 ngày kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành hợp đồng) thì chịu phạt 30 triệu đồng. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm và đền bù mọi thiệt hại trong trường hợp Chủ đầu tư bị phạt chậm quyết toán do lỗi của nhà thầu chậm làm hồ sơ quyết toán.</p> <p>4. Bồi thường thiệt hại: Áp dụng</p> <p>- Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế;</p>
<b>E-ĐKC 19.1</b>	<p>Chấm dứt hợp đồng do sai phạm của nhà thầu: Chủ đầu tư có quyền chấm dứt Hợp đồng trong các trường hợp sau:</p> <p>- Nhà thầu bị phá sản, giải thể hoặc chuyển nhượng hợp</p>

	<p>đồng cho người hoặc tổ chức khác mà không có sự chấp thuận của Chủ đầu tư;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà thầu từ chối thực hiện công việc theo hợp đồng;</li> <li>- Nhà thầu không thực hiện công việc theo hợp đồng trong vòng 30 ngày liên tục dẫn tới vi phạm tiến độ thực hiện theo thỏa thuận hợp đồng, trừ trường hợp được phép của Chủ đầu tư;</li> <li>- Trường hợp đã tạm dừng thực hiện hợp đồng theo khoản ĐKC.17 mà Nhà thầu không khắc phục lỗi của mình trong khoảng thời gian hai mươi một ngày (21) ngày kể từ ngày bắt đầu tạm dừng theo thông báo và không có lý do chính đáng thì Chủ đầu tư có quyền chấm dứt hợp đồng.</li> <li>- Nhà thầu từ chối không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài (hoặc Toà án Nhân dân) phân xử.</li> </ul> <p>Nhà thầu cố ý trình Chủ đầu tư các tài liệu không đúng sự thật gây ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ và lợi ích của Chủ đầu tư.</p>
<b>E-ĐKC 20</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chấm dứt hợp đồng do lỗi của Chủ đầu tư: Chủ đầu tư chuyển nhượng hợp đồng cho người hoặc tổ chức khác mà không có sự chấp thuận của nhà thầu;</li> <li>- Sau 30 ngày liên tục công việc bị dừng do lỗi của Chủ đầu tư, trừ trường hợp bất khả kháng.</li> </ul> <p>Chủ đầu tư không gửi hồ sơ thanh toán lên Kho bạc nhà nước trong vòng 45 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.</p>
<b>E-ĐKC 22.2</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giải quyết tranh chấp: Thời gian thương lượng, hòa giải: 28 ngày.</li> </ul> <p>Tranh chấp phát sinh hoặc được suy ra từ hợp đồng sẽ được giải quyết cuối cùng bởi Tòa Kinh tế thuộc Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.</p>
<b>E-ĐKC 23.1</b>	<p>Địa chỉ để hai bên thông báo cho nhau những thông tin theo quy định:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ liên lạc của Chủ đầu tư: Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh Bình Dương</li> </ul> <p>Điện thoại: _____  Fax: _____  E-mail: _____</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ liên lạc của Nhà thầu: _____</li> </ul> <p>Điện thoại: _____  Fax: _____</p>

	E-mail: _____
--	---------------